

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT
BỆNH TẬT

Số: 981/TM-KSBT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 21 tháng 8 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các công ty sản xuất, kinh doanh dược phẩm trên toàn quốc

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch các mặt hàng thuốc, vắc xin cho hoạt động chuyên môn năm 2025-2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Nghệ An
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
DS. Trần Nữ Trà My – Khoa Dược-VTYT - SĐT: 0971124104
- Cách thức, địa chỉ nhận báo giá:

Gửi về địa chỉ: Số 140 - đường Lê Hồng Phong, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Lưu ý: Báo giá được niêm phong kín, bên ngoài ghi rõ nội dung “Báo giá các mặt hàng thuốc, vắc xin cho hoạt động chuyên môn năm 2025-2026”. Đồng thời gửi file mềm (PDF, excel) qua email: dauthauksbtina@gmail.com sau ngày 03/9/2024 để tổng hợp

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Đến hết ngày 03/9/2024. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 03/9/2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục thuốc, vắc xin (theo phụ lục 1 đính kèm)
- Đề nghị các đơn vị cung cấp báo giá theo mẫu (phụ lục 2 đính kèm)
- Địa điểm cung cấp: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật- Địa chỉ: Số 140- đường Lê Hồng Phong, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Dược- VTYT.



Chu Trọng Trang



PHỤ LỤC I

(Kèm thư mời bảo giá số 981 /TM-KSBT của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An ngày 21/8/2024)

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng đề xuất	Ghi chú
1	Vắc xin phòng bệnh viêm phổi và nhiễm khuẩn toàn thân do phế cầu Streptococcus chứa: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn;	Mỗi 0,5ml có chứa: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F	1	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/ Bơm tiêm/ Liều/ Lọ/ Ống	1,000	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng đề xuất	Ghi chú
	Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phẩy cầu khuẩn; Cộng với Protein vận chuyển CRM197	polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2mcg; Protein vận chuyển CRM197 32mcg						
2	Vắc xin polysaccharide phẩy cầu liên hợp với protein D của Haemophilus influenzae không định tuýp chứa: polysaccharide của các týp huyết thanh 1 ^{1,2} , 5 ^{1,2} , 6B ^{1,2} , 7F ^{1,2} , 9V ^{1,2} , 14 ^{1,2} , 23F ^{1,2} và 3mcg của các týp huyết thanh 4 ^{1,2} , 18C ^{1,3} , 19F ^{1,4}	Mỗi 0,5ml chứa: 1mcg polysaccharide của các týp huyết thanh 1 ^{1,2} , 5 ^{1,2} , 6B ^{1,2} , 7F ^{1,2} , 9V ^{1,2} , 14 ^{1,2} , 23F ^{1,2} và 3mcg của các týp huyết thanh 4 ^{1,2} , 18C ^{1,3} , 19F ^{1,4}	1	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/ Bơm tiêm/ Liều/ Lọ/ Ống	700	
3	Vắc xin phòng tiêu chảy do Rotavirus chứa: Rotavirus ở người sống giảm độc lực chủng RIX4414	Mỗi 1,5ml chứa: Rotavirus ở người sống giảm độc lực chủng RIX4414 $\geq 10^{6,0}$ CCID ₅₀	1	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Hộp/ Ống/ Tuýp/ Liều/ Lọ	1,000	
4	Vắc xin phòng tiêu chảy do Rotavirus chứa: Rotavirus G1 human-bovine reassortant; Rotavirus G2 human-bovine reassortant; Rotavirus G3 human-bovine reassortant; Rotavirus G4 human-bovine reassortant; Rotavirus P1A[8] human-bovine reassortant	Mỗi 2ml dung dịch chứa: Rotavirus G1 human-bovine reassortant $\geq 2,2$ triệu IU; Rotavirus G2 human-bovine reassortant $\geq 2,8$ triệu IU; Rotavirus G3 human-bovine reassortant $\geq 2,2$ triệu IU; Rotavirus G4 human-bovine reassortant $\geq 2,0$ triệu IU; Rotavirus P1A(8) human-bovine reassortant $\geq 2,3$ triệu IU	1	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Hộp/ Ống/ Tuýp/ Liều/ Lọ	800	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng đề xuất	Ghi chú
5	Vắc xin phòng thủy đậu chứa: Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA)	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA) $\geq 10^{3,3}$ PFU	5	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Hộp/ Lọ/ Ống/ Liều	1,000	
6	Vắc xin phòng thủy đậu chứa: Vi rút thủy đậu chủng Oka/Merck sống, giảm độc lực	Vi rút varicella chủng Oka/Merck sống, giảm độc lực ≥ 1350 PFU/0,5ml/liều	1	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Hộp/ Lọ/ Ống/ Liều	800	
7	Vắc xin phòng ung thư cổ tử cung chứa: protein L1 HPV týp 6; protein L1 HPV týp 11; protein L1 HPV týp 16; protein L1 HPV týp 18; protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	Mỗi 0,5mL chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	1	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/ Bơm tiêm/ Liều/ Lọ/ Ống	4000	
8	Vắc xin phòng ung thư cổ tử cung chứa: protein L1 HPV6; protein L1 HPV11; protein L1 HPV 16; protein L1 HPV18	Mỗi liều 0,5 ml chứa 20 mcg protein L1 HPV6, 40 mcg protein L1 HPV11, 40 mcg protein L1 HPV16, 20 mcg protein L1 HPV18	1	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/ Bơm tiêm/ Liều/ Lọ/ Ống	600	
9	Vắc xin phòng Cúm mùa chứa: chứa: A/Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09 – sử dụng chủng tương đương (A/Brisbane/02/2018, IVR-190);	Mỗi 0,5 ml vắc xin (dạng mảnh, bất hoạt) chứa: A/Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09 – sử dụng chủng tương đương (A/Brisbane/02/2018, IVR-190) 15 micrograms HA;	1	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/ Bơm tiêm/ Liều/ Lọ/ Ống	1500	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng đề xuất	Ghi chú
	A/South Australia/34/2019 (H3N2) – sử dụng chủng tương đương (A/South Australia/34/2019, IVR-197); B/Washington/02/2019 – sử dụng chủng tương đương (B/Washington/02/2019, chủng hoang dã); B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã)	A/South Australia/34/2019 (H3N2) – sử dụng chủng tương đương (A/South Australia/34/2019, IVR-197) 15 micrograms HA; B/Washington/02/2019 – sử dụng chủng tương đương (B/Washington/02/2019, chủng hoang dã) 15 micrograms HA; B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15 micrograms HA.						
10	Vắc xin phòng Cúm mùa chứa: A/Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09-like strain (A/Brisbane/02/2018, IVR-190); A/South Australia/34/2019 (H3N2)-like strain (A/South Australia/34/2019, IVR-197); B/Washington/02/2019-like strain (B/Washington/02/2019, wild type); B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Yamagata/16/88 lineage) (B/Phuket/3073/2013, wild type)	Mỗi 0,5ml vắc xin chứa: A/Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09-like strain (A/Brisbane/02/2018, IVR-190) - 15 mcg haemagglutinin; A/South Australia/34/2019 (H3N2)-like strain (A/South Australia/34/2019, IVR-197) - 15 mcg haemagglutinin; B/Washington/02/2019-like strain (B/Washington/02/2019, wild type) - 15 mcg haemagglutinin; B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Yamagata/16/88 lineage) (B/Phuket/3073/2013, wild type) - 15 mcg haemagglutinin	1	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/ Bơm tiêm/ Liều/ Lọ/ Ống	1500	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng đề xuất	Ghi chú
11	Huyết thanh kháng uốn ván	1500 IU	4	Tiêm	Thuốc tiêm	Lo/Ống/ Liều	2000	
12	Vắc xin phòng uốn ván chứa: Giải độc tố uốn ván tinh chế	≥ 40 IU/0,5ml	4	Tiêm	Thuốc tiêm	Lo/Ống/ Liều	4000	
13	Vắc xin phòng viêm não Nhật Bản chứa: Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực	Mỗi 0,5 ml vắc xin hoàn nguyên chứa: Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực 4,0 - 5,8 log PFU	5	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Hộp/ Lọ/ Ống/ Liều	1000	
14	Vắc xin phòng Viêm não Nhật Bản chứa: virus viêm não Nhật bản tinh khiết, bất hoạt (chủng SA14-14-2)	Virus viêm não Nhật bản tinh khiết, bất hoạt (chủng SA14-14-2) 6mcg/0,5ml	5	Tiêm	Thuốc tiêm	Lo/Ống/ Liều	500	
15	Vắc xin phối hợp phòng 6 bệnh Bạch hầu,- Ho gà- Uốn ván- Bại liệt- Hib- Viêm gan B chứa: Giải độc tố bạch hầu; Giải độc tố uốn ván; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi và Pertactin; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney); Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1); Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett); Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b	Giải độc tố bạch hầu ≥ 30 IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 40 IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mạng	1	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/ Liều	1500	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng đề xuất	Ghi chú
	cộng hợp với giải độc tố uốn ván như protein chất mang							
16	Vắc xin phối hợp phòng 6 bệnh: Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Bại liệt - Hib và Viêm gan B chứa: Giải độc tố bạch hầu: không dưới; Giải độc tố uốn ván: không dưới; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Típ 1 (Mahoney): 40 đơn vị kháng nguyên D, Típ 2 (MEF-1): 8 đơn vị kháng nguyên D, Típ 3 (Saukett): 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt viêm gan B; Polysaccharide của Haemophilus influenzae típ b (Polyribosylribitol Phosphate) cộng hợp với protein uốn ván	Mỗi 0,5ml chứa: Giải độc tố bạch hầu: không dưới 20 IU; Giải độc tố uốn ván: không dưới 40 IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Típ 1 (Mahoney): 40 đơn vị kháng nguyên D, Típ 2 (MEF-1): 8 đơn vị kháng nguyên D, Típ 3 (Saukett): 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae típ b (Polyribosylribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36 mcg.	1	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/ Bơm tiêm/ Liều/ Lọ/ Ống	1000	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng đề xuất	Ghi chú
17	Vắc xin phối hợp phòng 4 bệnh: Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Bại liệt chứa: Giải độc tố bạch hầu, Giải độc tố uốn ván; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố (PTxd) và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA); Virus bại liệt týp 1 bất hoạt; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt	Mỗi 0,5 ml chứa: Giải độc tố bạch hầu $\geq 30\text{IU}$, Giải độc tố uốn ván $\geq 40\text{IU}$; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố (PTxd) 25 mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25 mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt 40 D.U; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt 8 D.U; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt 32 D.U	1	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/ Bơm tiêm/ Liều/ Lọ/ Ống	500	
18	Vắc xin phối hợp phòng ngừa bệnh bạch hầu, ho gà và uốn ván chứa: Giải độc tố bạch hầu, Giải độc tố uốn ván; Giải độc tố ho gà; Filamentous Haemagglutinin; Pertacin	Mỗi 0,5ml chứa: Giải độc tố bạch hầu $\geq 2\text{IU}$, Giải độc tố uốn ván $\geq 20\text{IU}$; Giải độc tố ho gà $8\mu\text{g}$; Filamentous Haemagglutinin $8\mu\text{g}$; Pertacin $2.5\mu\text{g}$	1	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/ Bơm tiêm/ Liều/ Lọ/ Ống	500	
19	Vắc xin phối hợp phòng 3 bệnh: Sởi - Quai bị - Rubella chứa: Virus sởi sống, giảm độc lực (chủng Schwarz); Virus quai bị sống, giảm độc lực (chủng RIT 4385); Virus rubella sống, giảm độc lực (chủng Wistar RA 27/3)	Virus sởi sống, giảm độc lực (chủng Schwarz) $\geq 10^{3,0}$ CCID ₅₀ ; Virus quai bị sống, giảm độc lực (chủng RIT 4385) $\geq 10^{3,7}$ CCID ₅₀ ; Virus rubella sống, giảm độc lực (chủng Wistar RA 27/3) $\geq 10^{3,0}$ CCID ₅₀	1	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Hộp/ Ống/ Lọ/ Liều	1200	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng đề xuất	Ghi chú
20	Vắc xin phối hợp ba bệnh sởi-quai bị- rubella chứa: Virus sởi; Virus quai bị; virus rubella	Mỗi 0,5ml chứa Virus sởi ≥ 1000 CCID ₅₀ ; Virus quai bị ≥ 12500 CCID ₅₀ ; virus rubella ≥ 1000 CCID ₅₀	1	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ/Ống/Liều	1200	
21	Vắc xin phòng não mô cầu chứa: - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp); - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp); - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp); - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá cộng hợp); - Protein giải độc tố Bạch hầu (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)	Mỗi 0,5ml chứa: - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp) 4 μ g; - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp) 4 μ g; - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp) 4 μ g; - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá cộng hợp) 4 μ g; - Protein giải độc tố Bạch hầu 48 μ g (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)	5	Tiêm	Thuốc tiêm	Hộp/Lọ/Ống/Liều	1000	
22	Vắc xin phòng Não mô cầu chứa: Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B; Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C	Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B - 50mcg/0,5ml; Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C: 50mcg/0,5ml	5	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống/Liều	1000	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng đề xuất	Ghi chú
23	Huyết thanh kháng dại	1000 IU	4	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống/ Liều	3000	
24	Vắc xin phòng dại chứa: Virus dại bất hoạt (chủng Wistar PM/WI 38 1503-3M)	$\geq 2,5\text{IU} / 0.5 \text{ ml}$	1	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ/ Ống/ Liều	3000	
25	Vắc xin phòng dại chứa: kháng nguyên tinh chế từ virus dại chủng Pitman Moore bất hoạt bằng beta-propiolactone, được nhân giống trên tế bào Vero	Mỗi 0,5ml chứa: $\geq 2,5\text{UI}$ kháng nguyên tinh chế từ virus dại chủng Pitman Moore	5	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Hộp/ Lọ/ Ống/ Liều	4000	
26	Vắc xin phòng viêm gan A chứa: Protein bao gồm kháng nguyên virus viêm gan A tinh khiết	Mỗi 0,5ml chứa: Protein bao gồm kháng nguyên virus viêm gan A tinh khiết $< 100 \text{ mcg}$	4	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống/ Liều	200	
27	Vắc xin phòng Lao BCG sống, đông khô	BCG sống, đông khô 0,5mg	4	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống/ Lọ	300	
28	Vắc xin phòng Viêm gan B chứa kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B tinh khiết HBsAg	Kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B tinh khiết HBsAg 20mcg/1ml	5	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống/ Liều	3000	
29	Vắc xin phòng Viêm gan B chứa kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B tinh khiết HBsAg	Kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B tinh khiết HBsAg 10mcg/0.5ml	5	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống/ Liều	200	

[illegible]



PHỤ LỤC 2.

(Kèm thư mời báo giá số 981 /TM-KSBT của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An ngày 21/8/2024)

Tên đơn vị cung cấp

Địa chỉ

Số điện thoại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An

(Tên đơn vị)..... có số đăng ký kinh doanh được cấp bởi.....

Căn cứ thư mời báo giá số /TM-KSMT ngày tháng năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An và khả năng cung ứng của quý công ty, chúng tôi xin gửi tới Quý Trung tâm bản báo giá các mặt hàng như sau:

TT	TT theo phụ lục 1	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Đơn giá sau VAT (đồng)	Thành tiền (đồng)	Giá kê khai (đồng)	Số đăng ký
1														
2														
...														
Tổng tiền....mặt hàng														

Giá chào đã bao gồm chi phí vận chuyển, bàn giao và các chi phí liên quan khác

Báo giá có hiệu lực ngày kể từ ngày 03/9/2024.

....., ngày tháng năm 2024

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ ĐƠN GIÁ

